

Số: 629 /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 21 tháng 6 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính  
(Chỉ số cải cách hành chính) năm 2016 của các sở, ban, ngành tỉnh;

**UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

SỞ NỘI VỤ TỈNH LAI CHÂU

Số: 3250.....

Ngày: 27/6/2017..

Chuyên: .....

Lưu hồ sơ số: .....

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Quyết định ban hành Quy định đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện công tác Cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Trên cơ sở kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định xác định kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính hàng năm của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2016 (gọi tắt là Chỉ số cải cách hành chính năm 2016) của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu (có phụ biểu đính kèm).

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức Hội nghị công bố kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2016 tới các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

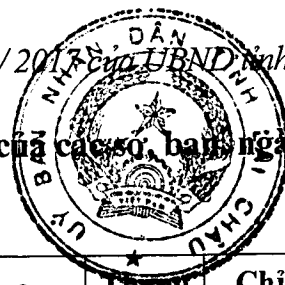
#### Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Vụ CCHC Bộ Nội vụ (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Lai Châu;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

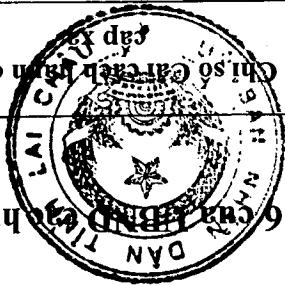


**Đỗ Ngọc An**

**PHỤ BIỂU***(Ban hành kèm theo Quyết định số: 629 /QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND tỉnh Lai Châu)***I. Bảng xếp loại Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các sở, ban ngành tỉnh Lai Châu**

STT	Tên đơn vị	Điểm thẩm định	Điểm điều tra	Tổng điểm	Thang điểm chuẩn	Chỉ số (%)	Xếp loại
1	Thanh tra tỉnh	60.00	17.75	77.75	92	84.51	TỐT
2	Sở Tài chính	65.25	17.94	83.19	100	83.19	TỐT
3	Sở Khoa học và Công nghệ	63.75	16.98	80.73	100	80.73	TỐT
4	Sở Thông tin và Truyền thông	60.75	17.09	77.84	100	77.84	KHÁ
5	Văn phòng UBND tỉnh	50.25	17.42	67.67	87	77.78	KHÁ
6	Sở Ngoại vụ	34.50	14.79	49.29	65	75.82	KHÁ
7	Sở Xây dựng	58.00	17.77	75.77	100	75.77	KHÁ
8	Sở Nội vụ	58.25	17.45	75.70	100	75.70	KHÁ
9	Sở Nông nghiệp và PTNT	58.50	16.95	75.45	100	75.45	KHÁ
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	58.25	16.97	75.22	100	75.22	KHÁ
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	56.75	17.48	74.23	100	74.23	KHÁ
12	Sở Công Thương	57.25	16.84	74.09	100	74.09	KHÁ
13	Ban quản lý khu KTCK Ma Lò Thàng	57.00	16.99	73.99	100	73.99	KHÁ
14	Ban Dân tộc	42.50	14.94	57.44	78	73.64	KHÁ
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	54.75	17.83	72.58	100	72.58	KHÁ
16	Sở Y tế	55.00	17.11	72.11	100	72.11	KHÁ
17	Sở Tư pháp	52.75	16.91	69.66	100	69.66	KHÁ
18	Sở Giao thông Vận tải	52.25	17.18	69.43	100	69.43	KHÁ
19	Sở Lao động, TB và XH	52.00	16.53	68.53	100	68.53	KHÁ
20	Sở Tài nguyên và Môi trường	49.75	17.24	66.99	100	66.99	KHÁ

II. Bảng xếp loại Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của UBND các huyện, thành phố



STT	Tên đơn vị	Điểm tham định	Điểm điều tra	Tổng điểm	Thang điểm chuẩn (%)	Chỉ số xếp loại (%)	Xếp loại
1	UBND Thành phố Lai Châu	64.00	19.05	83.05	100	3/7 xếp loại xuất sắc (42,9%); 3/7 xếp loại tốt (42,9%); 1/7 xếp loại khá (14,2%)	TỐT
2	UBND huyện Tân Uyên	63.75	18.63	82.38	100	7/10 xếp loại tốt (70%); 3/10 xếp loại TB (30%)	TỐT
3	UBND huyện Nậm Nhùn	66.25	17.10	83.35	100	5/11 xếp loại tốt (45,4%); 3/11 xếp loại khá (27,3%); trung bình 3/11 xã (27,3%)	KHẢ
4	UBND huyện Tam Đường	57.50	17.54	75.04	100	2/14 xếp loại xuất sắc (14,3%); 9/14 xếp loại tốt (64,3%); 3/14 xếp loại khá (21,4%)	KHẢ
5	UBND huyện Than Uyên	57.50	17.48	74.98	100	1/12 xếp loại tốt (9%); 11/12 xếp loại khá (91%)	KHẢ
6	UBND huyện Sìn Hồ	58.00	16.40	74.40	100	3/22 xếp loại tốt (13,6%); 15/22 xếp loại khá (68,2%); 4/22 xếp loại TB (18,2%)	KHẢ
7	UBND huyện Phong Thổ	53.50	15.85	69.35	100	1/18 xếp loại xuất sắc (5,5%); 12/18 xếp loại tốt (66,7%); 5/18 xếp loại khá (27,8%)	KHẢ
8	UBND huyện Mường Tè	45.75	17.77	63.52	100	2/14 xếp loại xuất sắc (14,2%); 4/14 xếp loại tốt (28,6%); 8/14 xếp loại khá (57,2%)	TB